

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG

HẠN CHẾ RỦI RO TÍN DỤNG
TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP
TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
NGOẠI THƯƠNG - CHI NHÁNH PHÚ TÀI

Chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng
Mã số: 60.34.20

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng – 2014

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Lâm Chí Dũng

Phản biện 1: TS. Trần Ngọc Sơn

Phản biện 2: PGS.TS. Võ Thị Thúy Anh

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 10 tháng 04 năm 2014.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm thông tin học liệu – Đại học Đà Nẵng
- Thư viện Trường Đại học Kinh tế – Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Hoạt động tín dụng là hoạt động quan trọng nhất và thường chiếm khoảng 70%-80% hoạt động sinh lời của NH. Tuy nhiên, hoạt động này cũng là hoạt động tiềm ẩn rủi ro cao nhất đặc biệt là RRTD. Bởi lẽ, các DN vì mục tiêu lợi nhuận có thể sử dụng vốn vay của NH không đúng mục đích hoặc do kinh doanh không hiệu quả, dẫn đến khả năng trả nợ bị giảm sút.... tất cả những điều đó có thể gián tiếp gây ra rủi ro cho NH. Việc phòng ngừa tốt RRTD sẽ hạn chế việc không thu hồi được vốn và lãi của NH hay giảm chi phí do việc phải xử lý khi xảy ra rủi ro. Do đó việc phòng ngừa và hạn chế rủi ro trong hoạt động cho vay rất quan trọng không chỉ đối với các NH thương mại mà còn đối với cả nền kinh tế. Vì vậy, để giảm thiểu RRTD nhưng vẫn đảm bảo mức sinh lời cao luôn là một bài toán khiến cho các nhà quản trị NH phải trăn trở.

Xuất phát từ thực tế trên và với mong muốn nghiên cứu thực trạng quản lý RRTD, đặc biệt quan tâm những nguyên nhân dẫn đến RRTD trong cho vay và từ đó bước đầu đề xuất một số giải pháp nhằm hạn chế rủi ro cho vay đối với KH DN tại đơn vị, do đó đề tài: **“Hạn chế RRTD trong cho vay DN tại NH TMCP Ngoại thương - chi nhánh Phú Tài”** đã được chọn để làm luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ kinh tế.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Làm sáng tỏ những lý luận chung về hạn chế RRTD trong cho vay DN của NHTM.

- Phân tích, đánh giá thực trạng hạn chế RRTD trong cho vay DN tại NH TMCP Ngoại thương Chi nhánh Phú Tài, từ đó rút ra những kết quả đạt được cũng như những hạn chế để đưa ra biện pháp khắc phục.

- Nghiên cứu và đề xuất các giải pháp nhằm hạn chế RRTD trong cho vay DN tại NH TMCP Ngoại thương Chi nhánh Phú Tài.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu: Những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến việc hạn chế rủi ro cho vay DN tại NH TMCP Ngoại thương Chi nhánh Phú Tài.

3.2. Phạm vi nghiên cứu: Đề tài không nghiên cứu toàn bộ quá trình quản trị RRTD mà chỉ tập trung nghiên cứu hạn chế RRTD trong cho vay DN tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Phú Tài từ năm 2010-2012.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp luận: Chủ nghĩa duy vật biện chứng.
- Cơ sở lý luận: Kinh tế học vĩ mô, vi mô, Lý thuyết tài chính – tiền tệ, quản trị NH thương mại...
- Phương pháp nghiên cứu cụ thể: Quy nạp và diễn dịch; logic và lịch sử; phân tích và tổng hợp; các phương pháp thống kê...
- Ngoài ra, đề tài còn tham khảo thêm các thông tin từ sách, báo, tạp chí NH.

5. Bố cục đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận, luận văn được thiết kế làm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về hạn chế RRTD trong cho vay DN của NHTM

Chương 2: Thực trạng hạn chế RRTD trong cho vay DN tại NH TMCP Ngoại thương Chi nhánh Phú Tài

Chương 3: Giải pháp nhằm hạn chế RRTD trong cho vay DN tại NH TMCP Ngoại thương Chi nhánh Phú Tài

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

CHƯƠNG 1
CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HẠN CHẾ RRTD
TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP CỦA NHTM
1.1. HOẠT ĐỘNG CHO VAY DOANH NGHIỆP CỦA NGÂN
HÀNG

1.1.1. Hoạt động cho vay của ngân hàng

a. Khái niệm hoạt động cho vay

b. Phân loại cho vay

1.1.2. Hoạt động cho vay doanh nghiệp của ngân hàng

a. Khái niệm doanh nghiệp

Theo Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11: “Doanh nghiệp là tổ chức kinh tế có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch ổn định, được đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật nhằm mục đích thực hiện các hoạt động kinh doanh”.

b. Phân loại cho vay DN

* *Các khoản cho vay kinh doanh ngắn hạn*

* *Các khoản cho vay kinh doanh trung và dài hạn*

c. Đặc điểm của cho vay DN

- Cho vay DN là cho vay kinh doanh vì phần lớn các DN vay vốn là để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Đối tượng vay là tất cả các DN hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

- Ngành nghề sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ của DN rất đa dạng nên nhu cầu vay vốn của DN cũng đa dạng.

- Quy mô của món vay thường lớn và cao hơn quy mô của món vay cá nhân, hộ gia đình.

- Chi phí tổ chức cho vay thường cao.

d. Vai trò của cho vay DN

- Đáp ứng nhu cầu về vốn cho DN, giúp duy trì và mở rộng quá trình sản xuất kinh doanh, nâng cao khả năng cạnh tranh, tạo điều kiện cho các DN tồn tại và phát triển trong nền kinh tế thị trường.

- Thúc đẩy quá trình tập trung vốn, tập trung sản xuất của DN.

- Tham gia tích cực vào quá trình chu chuyển vốn của DN, đồng thời là công cụ kích thích quá trình sản xuất, quản lý kinh tế, kiểm tra, giám sát các hoạt động sản xuất của DN.

1.2. RỦI RO TÍN DỤNG TRONG HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG CỦA NH

1.2.1. Khái niệm rủi ro tín dụng

Theo định nghĩa về rủi ro tín dụng của NHNN trong quyết định 493 thì “Rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết”.

1.2.2. Phân loại RRTD

a. Dựa vào nguyên nhân phát sinh, rủi ro tín dụng được chia thành 2 loại: Rủi ro giao dịch và rủi ro danh mục.

b. Căn cứ vào tính chất khách quan, chủ quan của nguyên nhân: rủi ro tín dụng được phân ra hai loại như sau: Rủi ro khách quan và rủi ro chủ quan.

c. Căn cứ vào tính chất của rủi ro tín dụng: phân loại rủi ro tín dụng thành rủi ro tín dụng đặc thù và rủi ro tín dụng hệ thống.

1.2.3. Nguyên nhân RRTD

- Nguyên nhân bên ngoài:

+ Rủi ro do nguyên nhân bất khả kháng.

- + Rủi ro từ chính sách vĩ mô của nhà nước.
- + Rủi ro do thông tin bất đối xứng.
- + Rủi ro từ phía KH.
- + Rủi ro trong kinh doanh của người đi vay.
- Nguyên nhân từ phía NH:
 - + Do chính sách vay của ngân hàng không hợp lý.
 - + Do ngân hàng không thực hiện đầy đủ hoặc thực hiện không chính xác việc phân tích đánh giá khả năng tín dụng của người vay.
 - + Ngân hàng đã quyết định cho vay chỉ dựa trên cơ sở quy mô hoạt động của doanh nghiệp mà không căn cứ vào khả năng tài chính của doanh nghiệp.
 - + Do ngân hàng không thường xuyên thực hiện việc kiểm tra, giám sát khách hàng trong quá trình sử dụng tiền vay.
 - + Do sự yếu kém trong công tác điều hành quản trị.
 - + Rủi ro do cán bộ không thực hiện đúng quy trình nghiệp vụ.
 - + Rủi ro do nhân viên thoái hóa về đạo đức, biến chất, tư lợi.

1.2.4. Tác động của rủi ro tín dụng

a. Rủi ro tín dụng làm giảm lợi nhuận Ngân hàng: Rủi ro tín dụng luôn là một mối đe dọa lớn đến sự tồn tại và phát triển của các ngân hàng. Vốn cho vay không quay trở về đầy đủ và đúng hạn, lãi vay không thu được làm suy giảm khả năng thanh khoản.

b. Rủi ro tín dụng làm giảm giá trị ròng của NH: Rủi ro tín dụng vừa trực tiếp làm giảm giá trị của tài sản trên sổ sách, vừa làm giảm giá trị thị trường của các khoản dư nợ bị rủi ro.

c. Rủi ro tín dụng làm gia tăng các loại rủi ro khác cho NH: rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất, rủi ro vỡ nợ.

d. Rủi ro tín dụng làm gia tăng chi phí vay vốn của NH: Chi phí gia tăng do phải trích bù đắp tổn thất trong khi việc mở rộng kinh

doanh sẽ bị hạn chế (do không thu hồi được vốn gốc, do e ngại khi cho vay...).

e. Rủi ro tín dụng làm giảm uy tín của NH, giảm sút giá trị thương hiệu và hình ảnh của NH : RRTD làm cho các ngân hàng có xu thế co cụm, hạn chế mở rộng tín dụng, thu hẹp quy mô kinh doanh vì năng lực tài chính giảm sút, uy tín với nền kinh tế cũng giảm từ đó sức cạnh tranh của ngân hàng suy giảm. RRTD làm giảm uy tín của ngân hàng và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

1.3. HẠN CHẾ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DN CỦA NHTM

1.3.1. Nội dung hạn chế RRTD trong cho vay DN của NHTM

Hạn chế RRTD là mối quan tâm hàng đầu của ngân hàng nhằm tạo ra sự phát triển bền vững, ổn định và mục đích của hạn chế RRTD không phải là né tránh rủi ro mà là hạn chế rủi ro ở một mức tỷ lệ thấp nhất có thể chấp nhận được vì “không có rủi ro thì không có lợi nhuận”.

- Tiếp cận theo kiểu truyền thống trong hoạt động quản trị tín dụng của NH, mục tiêu cuối cùng là giảm thiểu các tác động bất lợi của rủi ro tín dụng mà vẫn bảo đảm đạt được các mục tiêu đề ra cho hoạt động cấp tín dụng. Các nghiên cứu lý luận đã chỉ ra 2 thành phần chính của RRTD đó là khả năng xuất hiện rủi ro tín dụng và mức độ tổn thất nếu rủi ro xảy ra. Vậy, hạn chế rủi ro tín dụng cũng bao gồm hai thành phần cơ bản: hạn chế khả năng phát sinh RRTD và hạn chế mức độ tổn thất khi rủi ro tín dụng xảy ra.

- Tiếp cận theo lý thuyết thông tin bất đối xứng: Nguyên nhân chính dẫn đến RRTD là trạng thái thông tin bất đối xứng giữa NH và

KH, vì vậy, bản chất của việc này là thực hiện các biện pháp nhằm khắc phục tình trạng thông tin bất đối xứng bằng các hoạt động sản xuất thông tin và hạn chế mức độ tổn thất do rủi ro cho vay DN gây ra.

Vậy hạn chế RRTD trong cho vay DN là tổng thể những biện pháp, công cụ mà ngân hàng áp dụng nhằm hạn chế khả năng xuất hiện của rủi ro cho vay DN và giảm bớt mức độ tổn thất do hậu quả bất lợi của rủi ro đó gây ra.

** Về lý luận, để hạn chế RRTD trong cho vay DN, NH thực hiện các biện pháp cơ bản sau đây:* thẩm định tín dụng trước khi cho vay; xếp hạng tín dụng đối với các khách hàng vay; thực hiện các biện pháp bảo đảm tài sản; giám sát và cưỡng chế thực hiện các điều khoản hạn chế trong hợp đồng tín dụng; giám sát người vay, kiểm tra thường xuyên tình hình hoạt động kinh doanh của khách hàng; quan hệ lâu dài với khách hàng DN; đa dạng hóa hợp lý danh mục cho vay DN.

** Các biện pháp, công cụ tiến hành sau khi RRTD xảy ra nhằm hạn chế mức độ tổn thất nếu xảy ra RRTD:* Xử lý từ dự phòng rủi ro tín dụng; Phát mãi tài sản bảo đảm; Tích cực thu hồi nợ xấu, nợ quá hạn; Tiến hành các biện pháp cơ cấu lại nợ; Chuyển giao rủi ro thông qua bán nợ; chứng khoán hóa, mua bảo hiểm tín dụng cho các khoản cho vay DN và các hợp đồng phái sinh.

1.3.2. Tiêu chí đánh giá kết quả hạn chế RRTD trong cho vay DN

- *Mức giảm Tỷ lệ dư nợ từ nhóm 2 đến nhóm 5*
- *Biến động trong cơ cấu nhóm nợ*
- *Mức giảm Tỷ lệ nợ xấu*
- *Mức giảm Tỷ lệ xóa nợ ròng*

- *Mức giảm tỷ lệ trích lập dự phòng RRTD*

1.3.3. Nhân tố ảnh hưởng đến công tác hạn chế RRTD trong cho vay DN

a. Nhân tố bên trong

Một chính sách tín dụng phù hợp, quy trình tín dụng hợp lý, Thông tin ngân hàng đầy đủ, chính xác và kịp thời, cách thức quản lý tiền vay chặt chẽ, chất lượng đội ngũ nhân viên tốt sẽ hạn chế được RRTD. Ngược lại, nếu những nhân tố trên không phù hợp sẽ tạo nhiều lỗ hổng cho RRTD nảy sinh và khi đó các giải pháp hạn chế rủi ro cho vay sẽ thất bại.

b. Nhân tố bên ngoài

- *Nhân tố từ phía KH DN:*

+ Tình hình sản xuất kinh doanh của DN gặp khó khăn dẫn đến thua lỗ và không thu hồi được vốn.

+ Sự lừa đảo của DN vay để vay những khoản tiền lớn rồi quyết nợ, chây ì nợ.

+ Rủi ro tài chính: Thể hiện ở các doanh nghiệp không thể đối phó với các nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi tiền vay cho chủ nợ.

- *Thông tin không cân xứng:* Thông tin không cân xứng trên thị trường tài chính dẫn đến sự lựa chọn đối nghịch và rủi ro đạo đức đã đặt các ngân hàng trước nguy cơ rủi ro cao.

- *Các nhân tố thuộc môi trường vĩ mô:*

Như bất kỳ doanh nghiệp nào, ngân hàng hoạt động và chịu nhiều tác động của nhiều nhân tố thuộc về môi trường kinh tế - xã hội, chính trị, pháp lý nói chung. Khi nền kinh tế ổn định, lạm phát thấp không có khủng hoảng, hoạt động sản xuất kinh doanh của DN có hiệu quả, mang lại lợi nhuận cao, từ đó hoàn trả đầy đủ vốn vay

cho NH, nên hoạt động cho vay của NH phát triển, chất lượng khoản cho vay được nâng cao.

Môi trường pháp lý có ảnh hưởng lớn đến việc hạn chế rủi ro tín dụng. Nếu môi trường pháp lý tốt, đầy đủ, đồng bộ sẽ góp phần tích cực vào hiệu quả của các biện pháp hạn chế RRTD. Ngược lại, nếu môi trường pháp lý không đồng bộ, không phù hợp với xu thế phát triển kinh tế hiện tại sẽ tạo môi trường cạnh tranh không lành mạnh, nhiều sơ hở để các DN làm ăn bất chính, lừa đảo lẫn nhau và lừa đảo chính NH.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG HẠN CHẾ RRTD TRONG CHO VAY DN TẠI NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM CHI NHÁNH PHÚ TÀI

2.1. KHÁI QUÁT VỀ NH TMCP NGOẠI THƯƠNG VN CHI NHÁNH PHÚ TÀI

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

2.1.2. Cơ cấu tổ chức

2.1.3. Tình hình hoạt động kinh doanh cơ bản của NH TMCP ngoại thương VN chi nhánh Phú Tài trong 03 năm (2010-2012)

a. Hoạt động huy động vốn

Chi nhánh đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng cáo, đổi mới phong cách, thái độ phục vụ nhiệt tình nên được người dân và DN tin tưởng, góp phần làm cho nguồn vốn huy động của Chi nhánh luôn tăng trưởng trong trong 03 năm (2010-2012) qua.

b. Hoạt động cho vay

VCB Phú Tài đã chủ trương mở rộng quy mô cho vay, đầu tư

cho các dự án, phương án sản xuất kinh doanh có hiệu quả nhằm mở rộng hoạt động tín dụng. Nhìn chung, doanh số cho vay, thu nợ, dư nợ tại Chi nhánh đã có bước tăng trưởng khá. Về thị phần, dư nợ của NH chiếm 4,81% so với tổng dư nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng trên địa bàn đến năm 2010 đã tăng lên 5,28% trong tổng dư nợ của các tổ chức tín dụng trên địa bàn.

c. Kết quả hoạt động kinh doanh

Khi tham gia vào nền kinh tế thị trường, mục tiêu lợi nhuận được đánh giá là mục tiêu hàng đầu, và các tổ chức tín dụng cũng không ngoại lệ. Trong những năm qua, tình hình thu, chi của NH có nhiều biến động lớn kéo theo sự thay đổi không nhỏ của lợi nhuận.

2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC HẠN CHẾ RRTD TRONG CHO VAY DN TẠI NH TMCP NGOẠI THƯƠNG VN CHI NHÁNH PHÚ TÀI

2.2.1. Những biện pháp đã thực hiện nhằm hạn chế RRTD trong cho vay DN tại NH TMCP ngoại thương VN chi nhánh Phú Tài

a. Biện pháp tổ chức bộ máy quản lý tín dụng

Giám đốc, Trưởng phòng khách hàng, chuyên viên tín dụng tham gia trực tiếp vào hoạt động cho vay và xử lý nợ vay. Tại Chi nhánh không có Phòng thẩm định tín dụng, Quản lý rủi ro tín dụng, Phòng kiểm soát nội bộ như Hội sở chính. Hồ sơ vay được thực hiện chủ yếu ở Phòng khách hàng, mà không thông qua nhiều bộ phận, nên giải quyết nhanh chóng nhu cầu vay của KH. Tuy nhiên, Chi nhánh chưa có sự tách biệt giữa chức năng bán hàng, chức năng thẩm định và chức năng quản lý RRTD nên gây quá tải công việc cho Phòng khách hàng.

b. Chính sách tín dụng

- Chính sách quản lý giới hạn tín dụng

Giới hạn kiểm soát rủi ro tín dụng: Chi nhánh luôn tuân thủ đúng quy định về an toàn tín dụng của NHNN.

- Giới hạn tín dụng đối với KH DN: Xếp hạng tín dụng nội bộ về bản chất là việc đo lường rủi ro tín dụng của các khách hàng. Việc đo lường rủi ro được NH thực hiện thông qua hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ đối với các KH DN.

- Phân quyền phán quyết tín dụng: Giám đốc Chi nhánh được giao quyền phán quyết tín dụng với tổng hạn mức tín dụng ngắn hạn tối đa cấp cho một KH DN là 10 tỷ đồng, tổng hạn mức tín dụng trung, dài hạn tối đa cấp cho một KH DN là 5 tỷ đồng. Trường hợp vượt hạn mức phán quyết của Giám đốc chi nhánh phải chuyển hồ sơ sang Phòng tái thẩm định và định giá tài sản của Hội sở xem xét.

- Đa dạng hóa danh mục cho vay: Chi nhánh đã thực hiện đa dạng hoá danh mục cho vay nhằm tránh tình trạng tập trung cho vay vào lĩnh vực có lợi nhuận trước mắt, giúp phân tán được rủi ro và đảm bảo sự phát triển đồng đều giữa các sản phẩm tín dụng của chi nhánh. Ở Chi nhánh, việc cho vay tập trung nhiều vào các DNTN, một số ngành kinh tế nên chưa phân tán được rủi ro.

- Phân loại nợ và trích lập dự phòng: Chi nhánh đã thực hiện nghiêm túc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN. Ưu điểm của việc phân loại nợ là giúp NH dễ dàng quản lý danh mục cho vay, xác định mức độ rủi ro để có biện pháp phòng ngừa và xử lý thích hợp. Chi nhánh đang phân loại

nợ theo phương pháp định lượng mà thiếu đi phần định tính, điều này dẫn đến không phản ánh đúng với thực chất khoản nợ.

- *Thực hiện bảo đảm tiền vay*: Tài sản bảo đảm là yếu tố quan trọng trong xem xét quyết định cho vay, góp phần giảm thiểu tổn thất khi xảy ra rủi ro. Nhược điểm là Chi nhánh chưa có bộ phận chuyên trách về thẩm định nên nhiều khi chuyên viên tín dụng định giá thiếu chính xác sẽ gây rủi ro cho NH khi xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

c. Quy trình cho vay

-Thẩm định cho vay

Thẩm định đánh giá khả năng có thể gây ra rủi ro trong cho vay, trên cơ sở đó hạn chế những KH xấu để hạn chế tổn thất cho NH. Hiện nay, việc thẩm định khoản vay đang gặp vấn đề khó khăn khi nguồn thông tin của KH còn hạn chế. Chi nhánh không có bộ phận thẩm định chuyên trách độc lập để bảo đảm tính khách quan, trong khi đó chuyên viên tín dụng lại thiếu kinh nghiệm về thẩm định nên kết quả thẩm định đôi khi thiếu chính xác dễ dẫn đến quyết định sai lầm trong cho vay và tiềm ẩn rủi ro cho NH.

- Hạn chế lĩnh vực cấp tín dụng

Trong giai đoạn hiện nay cần hạn chế cấp tín dụng đối với các lĩnh vực: Kinh doanh bất động sản, vật liệu xây dựng, xây dựng cơ bản, thi công công trình do những khó khăn trong lĩnh vực bất động sản, các ngành nói trên cũng bị tác động dây chuyền.

- Kiểm tra, giám sát sau vay

Kiểm tra, giám sát khoản vay sớm phát hiện rủi ro tiềm ẩn. Tuy nhiên, việc kiểm tra chỉ mang tính chất hình thức mà không kiểm tra thực tế tại đơn vị, do đó chất lượng và hiệu quả tín dụng chưa cao, chưa phát hiện được rủi ro và xử lý kịp thời.

- Xử lý nợ có vấn đề

+ Gặp gỡ và thảo luận với DN vay để tìm ra hướng giải quyết tốt nhất và hạn chế mức độ rủi ro cho NH.

+ Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ cho DN.

+ Khởi kiện ra Toà án để xử lý tài sản bảo đảm, thu hồi nợ vay.

+ Sử dụng quỹ dự phòng RRTD để bù đắp cho tổn thất cho vay.

Xử lý nợ có vấn đề giúp xác định trách nhiệm của các cấp điều hành, các bộ phận trong công tác xử lý nợ, bảo đảm quá trình này diễn ra thống nhất. Nhược điểm là công tác xử lý nợ tại Chi nhánh được thực hiện một cách bị động khi phát sinh rủi ro và chưa áp dụng các biện pháp chuyển giao rủi ro như bán nợ, chứng khoán hoá, mua bảo hiểm tín dụng cho các khoản vay DN.

d. Thường xuyên coi trọng công tác đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ cho cán bộ tín dụng

Ưu điểm, giúp nâng cao kỹ năng thực hiện nghiệp vụ cho nhân viên. Tuy nhiên, nội dung đào tạo huấn luyện vẫn chưa được đặc thù hóa theo bối cảnh từng địa phương.

2.2.2. Phân tích Kết quả hạn chế RRTD trong cho vay DN tại NH TMCP ngoại thương VN chi nhánh Phú Tài

Căn cứ vào các tiêu chí đánh giá rủi ro tín dụng đã được trình bày và phân tích nội dung, ý nghĩa ở chương 1, kết quả hạn chế rủi ro tín dụng tại Chi nhánh biểu hiện cụ thể qua các tiêu chí như sau:

a. Biến động cơ cấu nhóm nợ và Mức giảm tỷ lệ dư nợ từ nhóm 2 đến nhóm 5

Bảng 2.4. Phân nhóm nợ trong cho vay DN

ĐVT: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	2010		2011		2012	
	Số tiền	TT%	Số tiền	TT%	Số tiền	TT%
1. Tổng dư nợ	1.138.923	100	1.439.800	100	1.623.232	100
Nợ nhóm 1	1.109.923	97,42	1.234.261	85,72	1.582.942	97,52
Nợ nhóm 2	26.440	2,32	204.568	14,21	2.733	0,17
Nợ nhóm 3	252	0,02	0	0,00	31.098	1,92
Nợ nhóm 4	0	0,00	271	0,02	3.532	0,22
Nợ nhóm 5	2.716	2,24	699	0,05	2.927	0,18
2. Nợ xấu	2.976	0,26	971	0,07	37.557	2,31
3. Nợ từ nhóm 2-5	29.408	2,58	205.539	14,28	40.290	2,48

(Nguồn: Báo cáo phân tích nợ quá hạn VCB Chi nhánh Phú Tài)

Tổng dư nợ trong cho vay DN tăng nhanh qua các năm, trung bình tăng khoảng gần 30% từ 2010-2012. Tuy nhiên, tỷ lệ nợ xấu lại tăng mạnh trong năm 2012. Vì vậy, việc tỷ lệ nợ xấu có xu hướng tăng cho thấy chất lượng tín dụng của chi nhánh ngày một giảm đi có thể do quản lý rủi ro không có hiệu quả.

b. Mức giảm lệ nợ xấu**Bảng 2.5. Tỷ lệ nợ xấu**

ĐVT: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	2010	2011	2012	Chênh lệch (11/10)		Chênh lệch (12/11)	
				Số tiền	%	Số tiền	%
Tổng dư nợ	1.138.923	1.439.800	1.623.232	300.877	0,26	183.432	0,13
Nợ xấu	2.967	971	37.557	-1.997	-0,67	36.587	37,69
Tỷ lệ nợ xấu	0,26	0,07	2,31	-0,19		2,24	

(Nguồn: Báo cáo tình hình nợ xấu VCB Chi nhánh Phú Tài)

Tình hình nợ xấu có sự biến động rất thất thường. Đến năm 2012 thì tỷ lệ nợ xấu lại tăng cao đáng kể lên mức 2,31% từ mức 0,07% của năm 2011. Sự tăng quá nhanh tỷ lệ nợ xấu phần nào thể hiện một số vấn đề trong cách quản lý rủi ro của chi nhánh.

c. Mức giảm tỷ lệ xóa nợ rỗng

Bảng 2.6. Tỷ lệ xóa nợ rỗng

ĐVT: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	2010	2011	2012	Chênh lệch 11/10		Chênh lệch 12/11	
				Số tiền	%	Số tiền	%
Dư nợ xóa trong bảng	0	6.653	65.385	6.653	100	58.732	882,79
Thu hồi nợ xóa	0	697	3.718	697	100	3.021	433,43
Các khoản xóa nợ rỗng	0	5.956	61.667	5.956	100	55.711	935,38
Tỷ lệ xóa nợ rỗng (%)	0,00	0,41	3,80	0,41		3,39	

(Nguồn: Báo cáo các khoản xóa nợ rỗng VCB Chi nhánh Phú Tài)

Số liệu dư nợ đã xử lý rủi ro đến 31/12/2012 là 65.385 triệu đồng, tăng 100% so với cùng thời điểm năm 2010 và tăng 882% so với cùng thời điểm năm 2011. Tỷ lệ nợ xóa tăng nhanh là dấu hiệu đáng lo ngại trong khâu quản lý rủi ro cho vay của NH.

d. Mức giảm tỷ lệ trích lập dự phòng

Bảng 2.7. Tỷ lệ trích lập dự phòng

ĐVT: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	2010	2011	2012
Trích dự phòng rủi ro	9.981	17.182	21.701
Tỷ lệ trích dự phòng	0,73%	0,99	1,04

(Nguồn Báo cáo hoạt động kinh doanh VCB Chi nhánh Phú Tài)

Tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro tăng qua các năm đã phản ánh tình hình nợ đã xử lý rủi ro (xuất ngoại bảng), làm giảm đáng kể lợi

nhuận của Chi nhánh. Sự tăng lên này cho thấy việc quản lý rủi ro của chi nhánh còn nhiều hạn chế.

e. Mức giảm lãi treo

Bảng 2.8. Tình hình lãi treo

DVT: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	2010	2011	2012	Chênh lệch 11/10		Chênh lệch 12/11	
				Số tiền	TĐ %	Số tiền	TĐ %
1.Lãi treo phát sinh	1.092	4.145	21.857	3.053	279,58	17.712	427,31
2.Lãi treo thu được	715	3.506	17.211	2.791	390,35	13.705	390,90
3.Tồn lãi treo	745	1.385	6.031	640	85,91	4.646	335,45

(Nguồn Báo cáo hoạt động kinh doanh VCB Chi nhánh Phú Tài)

Qua số liệu trên, ta thấy tồn lãi treo tương đối lớn và tăng nhanh trong 3 năm từ 2010 đến 2012, điều này sẽ làm cho Chi nhánh không thực hiện được kế hoạch lợi nhuận kỳ vọng.

2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ THỰC TRẠNG CÔNG TÁC HẠN CHẾ RRTD TRONG CHO VAY DN TẠI NH TMCP NGOẠI THƯƠNG VN CHI NHÁNH PHÚ TÀI

2.3.1. Thành tựu trong công tác hạn chế RRTD trong cho vay DN tại NH TMCP ngoại thương VN chi nhánh Phú Tài

- Hệ thống thông tin khách hàng vay ngày càng được hoàn thiện.

- Chất lượng khoản vay ngày càng được nâng cao.

- Chính sách tín dụng, quy trình cho vay, quy trình thẩm định, kiểm tra, giám sát vốn vay, thu hồi nợ, xử lý nợ xấu, nợ quá hạn, các quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng RRTD, cơ cấu thời hạn trả nợ, quy chế giảm, miễn lãi vay đối với KH vay

vốn... được quy định rõ ràng, chặt chẽ tại NH, đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật.

2.3.2. Những vấn đề tồn tại và nguyên nhân của những tồn tại

a. Những vấn đề tồn tại

- Hạn chế nổi bật nhất là chi nhánh đã đặt quá nặng yêu cầu về hạn chế RRTD theo phương châm rất thận trọng, đặc biệt là các biện pháp có tính chất tình thế trong giai đoạn hiện nay (siết chặt bảo đảm bằng tài sản, siết chặt quy chế phân cấp và lĩnh vực cấp tín dụng) cho nên tăng trưởng tín dụng chưa khai thác hết tiềm năng của thị trường, và chưa đạt được mục tiêu mong muốn.

- Hoạt động tín dụng của NH dựa quá nhiều vào bảo đảm bằng tài sản. Do đó, dẫn đến nhiều hệ quả không tốt.

- Việc đa dạng hóa danh mục tín dụng chưa thực hiện tốt, chưa xây dựng được cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc xây dựng danh mục tín dụng.

- Công tác xử lý rủi ro tín dụng còn kém.

- Công tác XHTD vẫn còn tồn tại tính hình thức thể hiện ở công tác thu thập dữ liệu đầu vào chưa thực sự được quan tâm, bảo đảm tính chuẩn xác, trung thực.

- Quá trình quản trị rủi ro tín dụng vẫn còn thiếu tính hệ thống.

b. Nguyên nhân của những tồn tại

- *Nhân tố bên trong*

+ Chính sách tín dụng chưa hoàn thiện và chưa phù hợp với từng thời kỳ.

+ Quá trình quản trị rủi ro tín dụng của chi nhánh vẫn còn có tính thụ động, chủ yếu nặng về hoàn thành các yêu cầu của cấp trên thông qua chấp hành các quy định về quy trình nghiệp vụ.

+ Chất lượng của đội ngũ cán bộ tín dụng vẫn còn nhiều mặt chưa đáp ứng được yêu cầu. Một số ít cán bộ tín dụng lại vướng phải vấn đề về đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp.

+ Hệ thống thông tin tín dụng vẫn còn nhiều bất cập biểu hiện chủ yếu ở quá trình thu thập thông tin đầu vào chưa thực sự đáng tin cậy.

+ Tâm lý ỷ lại vào tài sản bảo đảm đã là một trong những nguyên nhân chủ yếu làm cho khâu thu thập và xử lý thông tin chưa được quan tâm đúng mức.

+ Kiểm tra, giám sát tín dụng độc lập chưa phát huy hết vai trò.

- *Nhân tố bên ngoài*

+ Nền kinh tế đang gặp khó khăn. Lạm phát, lãi suất tăng cao, kinh tế suy trầm. Những chính sách mà chính phủ thực hiện nhằm kiềm chế lạm phát: thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt, hạn chế đầu tư công, hạn chế tăng trưởng tín dụng... làm cho các hoạt động kinh doanh khó khăn, tạo nên sự bất ổn định trong hoạt động của nền kinh tế.

+ Môi trường pháp lý: Hệ thống văn bản pháp luật chưa hoàn thiện. Các văn bản pháp luật hiện nay còn có sự chồng chéo, trùng lặp. Đặc biệt, tính thiếu ổn định của văn bản pháp lý đã gây nên khó khăn cho công tác quản trị RRTD.

+ Hoạt động kinh tế của tỉnh Bình Định còn đơn điệu, cơ cấu ngành kinh tế còn thiếu đa dạng. Nền kinh tế chỉ tập trung vào một số ngành nhất định (sản xuất, chế biến gỗ xuất khẩu).

+ Môi trường kinh tế: Môi trường kinh tế không ổn định, tính minh bạch thấp làm cho DN cũng như các NH không thể đoán trước được dẫn đến làm ăn thua lỗ, không trả được nợ vay.

CHƯƠNG 3
GIẢI PHÁP HẠN CHẾ RRTD TRONG CHO VAY DN
TẠI NH TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM
CHI NHÁNH PHÚ TÀI

3.1. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG VÀ CÔNG TÁC HẠN CHẾ RRTD TRONG CV DN TRONG THỜI GIAN ĐẾN

3.1.1. Định hướng chung

- Hoàn thành mục tiêu của mình để góp phần thực hiện mục tiêu chung đó là giúp VCB duy trì vị thế hàng đầu tại Việt Nam và trở thành một trong 300 tập đoàn tài chính NH lớn nhất thế giới năm 2020.

- Phần đầu không còn nợ xấu.

3.1.2. Định hướng hoạt động tín dụng và công tác hạn chế RRTD trong cho vay DN

- Tăng trưởng theo phương châm an toàn hiệu quả.

- Tuân thủ các chỉ tiêu giới hạn tín dụng, phân quyền phán quyết tín dụng kết hợp với việc xây dựng chính sách cho vay, chính sách lãi suất hợp lý, đa dạng hóa các sản phẩm tín dụng.

- Thực hiện nghiêm túc quy trình tín dụng theo hướng dẫn của NHTMCP Ngoại thương Việt Nam.

3.2. GIẢI PHÁP HẠN CHẾ RRTD TRONG CHO VAY DN TẠI NH TMCP NGOẠI THƯƠNG VN CHI NHÁNH PHÚ TÀI

3.2.1. Hoàn thiện bộ máy quản lý tín dụng

Tách bạch các chức năng bán hàng, chức năng thẩm định và quản lý RRTD trong hoạt động cho vay cũng với việc phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm pháp lý của các bộ phận đó để đảm bảo tính công bằng trong đánh giá chất lượng công việc, giúp cho các quyết định cho vay mang tính khách quan hơn, kết quả thẩm định chính xác hơn, quá trình xử lý rủi ro cũng nhanh chóng, hiệu

quả và kịp thời hơn, trong đó:

Bộ phận quan hệ khách hàng: duy trì và không ngừng mở rộng mối quan hệ tín dụng đối với KH.

Bộ phận thẩm định tín dụng: Thẩm định điều kiện vay vốn của khách hàng, đánh giá tính pháp lý và tính đầy đủ của bộ hồ sơ tín dụng, đánh giá tính khả thi và hiệu quả của từng khoản vay.

Bộ phận quản lý rủi ro tín dụng: Giám sát quá trình sử dụng vốn và trả nợ của KH, tạo ra quá trình kiểm tra liên tục sau cho vay.

3.2.2. Nâng cao chất lượng thẩm định cho vay

Một là, hoàn thiện công tác tổ chức thẩm định: Chuyên môn hoá cán bộ thẩm định theo từng ngành nghề, lĩnh vực. Bố trí cán bộ thẩm định có đủ trình độ chuyên môn và trách nhiệm.

Hai là, hoàn thiện nội dung trong khâu thẩm định: Khi thẩm định khách hàng vay, ngoài thẩm định tư cách, năng lực pháp lý, năng lực điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh, uy tín của khách hàng, chuyên viên tín dụng cần phải quan tâm đến các chỉ số dự báo trước khi cho vay như : giá vàng, tỷ giá, lạm phát và các biến cố có thể dự đoán về kinh tế, chính trị, xã hội.

Ba là, hoàn thiện hệ thống thông tin đánh giá KH: Thiết lập hệ thống thông tin đa dạng từ nhiều nguồn khác nhau; Lưu trữ thông tin một cách khoa học, thuận lợi cho việc tìm kiếm. Tăng cường trao đổi thông tin về khách hàng với các NHTM.

3.2.3. Thực hiện các biện pháp nhằm phân tán rủi ro tín dụng

- *Đa dạng hoá danh mục cho vay:* Nhằm phân tán được rủi ro, tránh tình trạng tập trung cho vay vào lĩnh vực có lợi nhuận trước mắt, tránh được rủi ro do khủng hoảng chu kỳ một ngành nào đó.

- *Cho vay hợp vốn, đồng tài trợ:* Nhằm nâng cao hiệu quả cho

vay, giúp chia sẻ rủi ro.

- *Bảo hiểm tín dụng*: Đây là cách NH chuyển nhượng một phần RRTD sang cho công ty bảo hiểm.

3.2.4. Hoàn thiện khâu kiểm tra, giám sát khoản vay

Làm cho KH sử dụng tiền vay đúng mục đích, các chuyên viên tín dụng sâu sát với khách hàng sẽ giúp cho việc đôn đốc, thu hồi nợ và xử lý các tình huống ngoài dự kiến một cách nhanh chóng. Giám sát khoản vay được thực hiện theo hai hướng là giám sát từng khoản vay và giám sát tổng thể danh mục tín dụng.

3.2.5. Quản lý tốt danh mục tài sản bảo đảm

- Hoàn thiện hồ sơ thế chấp, hồ sơ pháp lý.
- Có nguồn thông tin tham khảo về giá trị, định giá.
- Thường xuyên kiểm tra, đánh giá lại giá trị tài sản bảo đảm.
- Thường xuyên theo dõi, cập nhật những văn bản pháp luật của Nhà nước liên quan đến tài sản bảo đảm.

3.2.6. Sử dụng một số công cụ xử lý nợ có vấn đề

- *Chuyển nợ thành vốn góp gắn với tái cấu trúc doanh nghiệp*
Nợ xấu đã được thanh toán nhưng NH không thu tiền về mà được rót ngay vào DN dưới hình thức góp vốn, điều này giúp vừa có lợi cho DN vừa có lợi cho NH.

- *Chứng khoán hoá các khoản nợ*

Chứng khoán hoá các khoản nợ giúp chi nhánh giảm thiểu rủi ro cho vay do giải phóng một số vốn lớn nằm trong quỹ dự phòng rủi ro, đồng thời cơ cấu lại danh mục cho vay và có những dòng tiền để tiếp tục thực hiện cho vay.

3.2.7. Giải pháp bổ trợ

a. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực

- Xây dựng một quy trình tuyển dụng nhân viên khoa học,

chính xác và phù hợp với yêu cầu công việc.

- Không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ.
- Không sử dụng những cán bộ thiếu bản lĩnh, thiếu trung thực, kém năng lực... làm công tác tín dụng.
- Có chính sách ưu đãi cho những cán bộ muốn đi học các lớp về nâng cao nghiệp vụ, học cao học hay nghiên cứu sinh.

b. Nâng cao chất lượng công nghệ quản lý

- Đầu tư theo chiều sâu vào các trang thiết bị như: hệ thống mạng nội bộ, các phần mềm tin học.
- Nâng cấp phần mềm quản lý tín dụng, đặc biệt là phần mềm thẩm định khoản vay, phần mềm chấm điểm tín dụng DN.
- Thường xuyên kiểm tra hệ thống mạng, hệ thống an ninh mạng.

3.3. KIẾN NGHỊ

3.3.1. Đối với chính phủ

a. Hoàn thiện môi trường pháp lý đảm bảo an toàn cho hoạt động tín dụng

b. Tăng cường công tác quản lý của các cơ quan có thẩm quyền đối với hoạt động của các doanh nghiệp

3.3.2. Đối với NH Nhà nước

- Nâng cao vai trò định hướng trong quản lý và tư vấn cho các NHTM.
- Chống sự cạnh tranh kém lành mạnh.
- Ứng dụng các nguyên tắc cơ bản về giám sát ngân hàng hữu hiệu.
- Hoàn thiện hệ thống thông tin tín dụng của Trung tâm CIC NHNN.
- Điều chỉnh GHTD đối với khách hàng theo Basel.

3.3.3. Đối với Hội sở chính

- Chọn người được đào tạo đúng chuyên ngành, nắm vững quy chế, quy trình tác nghiệp để tiến tới chuyên nghiệp hóa trong kiểm tra, giám sát. Hoàn thành việc thành lập phòng kiểm tra kiểm soát nội bộ tại tất cả các chi nhánh trong hệ thống.

- Quan tâm hơn đến vấn đề quản trị rủi ro danh mục tín dụng

KẾT LUẬN

RRTD, đặc biệt là tỷ lệ nợ xấu gia tăng vẫn là mối đe dọa lớn đến lợi nhuận của các NH trong năm 2012. Nợ nhóm 2 đang có xu hướng gia tăng, nếu các KH tiếp tục chậm trả nợ đối với NH sẽ khiến cho NH buộc phải chuyển nhóm nợ. Điều này đồng nghĩa với tỷ lệ trích lập dự phòng sẽ gia tăng và lợi nhuận NH sẽ giảm xuống. Thực tế chỉ ra rằng, chính áp lực tăng trưởng tín dụng cao để hỗ trợ cho tăng trưởng kinh tế là một trong những cản trở đối với việc giảm mạnh tỷ lệ nợ xấu. Nếu như các NH tập trung xử lý nợ xấu một cách quyết liệt và không để phát sinh thêm các khoản nợ xấu mới thì chắc chắn sẽ phải thắt chặt tín dụng. Một hệ quả tiếp theo là các DN sẽ khó khăn hơn trong việc tiếp cận với nguồn vốn của NH. Đó là điều mà chắc chắn không NH nào mong muốn. Vậy làm thế nào để hạn chế RRTD trong cho vay DN?

Trong thời gian qua, VCB Chi nhánh Phú Tài đã tiến hành nhiều biện pháp, cùng với sự nỗ lực, quyết tâm cao nên đã đạt được những kết quả đáng kể trong công tác hạn chế rủi ro cho vay DN, góp phần nâng cao chất lượng cho vay, đảm bảo kinh doanh an toàn và ổn định trên thị trường. Mặc dù vậy, hậu quả của rủi ro cho vay DN vẫn còn khá lớn, ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của NH.

Từ việc tiếp cận lý luận và thực tiễn, Luận văn đã hoàn thành

được những nhiệm vụ sau:

- Trình bày cơ sở lý luận về hạn chế RRTD trong cho vay DN của NHTM.

- Phân tích thực trạng hạn chế RRTD tại NHTMCP Ngoại thương Chi nhánh Phú Tài, qua đó tìm hiểu được những thành tựu và tồn tại cũng như nguyên nhân của tồn tại trong việc hạn chế RRTD tại chi nhánh.

- Trên cơ sở lý thuyết và thực tiễn đó, Luận văn đã đề xuất một số giải pháp và kiến nghị nhằm hạn chế RRTD trong cho vay tại Chi nhánh.